TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS- ST
Ngày 15-3-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Xuân Vũ
- Ông Hoàng Văn Khiếu

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2021/TLST- TCDS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST- DS ngày 03-02-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST- DS ngày 16-02-2023; thông báo mở lại phiên tòa số 01 ngày 03-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên giữa;

Đồng nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1959, chị Đỗ Thị L, sinh năm 1960- Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y

Đồng bị đơn: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1978, chị Hoàng Thị L, sinh năm 1978- Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Y- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc S- Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Y- Đại diện: Ông Mông Ngọc L- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y- Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị Thúy Nhiệm, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 2, thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh H- Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Hoàng Trường M, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Hoàng Trường A, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 11, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y- Vắng mặt

- Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh T- Vắng mặt

- Anh Lèng Văn Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nông Đức T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn Qua, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y- Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-10-2021 và các các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đồng nguyên đơn anh Hoàng Văn T, chị Đỗ Thị L trình bày: Anh T, chị L khởi kiện anh Hoàng Văn M, chị Hoàng Thị L về việc lấn chiếm 02 thửa đất của anh T và chị L chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ), nguồn gốc đất do bố mẹ để lại, nhưng được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Y và UBND huyện L giao cho quản lý sử dụng hai thửa đất:

- Thửa 151 tại khu vực nguồn nước của gia đình anh T ở Thôn L, xã Y huyện L, tỉnh Y, diện tích 18.3 m^2 (đất mỏ nước), trên đất không có tài sản gì ngoài nguồn nước, do gia đình anh M đào lấp ao toàn bộ xung quanh mương rãnh của thửa đất làm mất đi mặt bằng. Nay anh T, chị L yêu cầu gia đình anh M, chị L trả lại hiện trạng thửa đất như ban đầu.

- Thửa 152 tại khu vực nguồn nước của gia đình anh T thuộc Thôn L, xã Y huyện L, tỉnh Y, diện tích là 118.2 m^2 đây là diện tích đất vườn, trên đất anh M tự ý trồng cây chuối, xoan và một số loại cây hoa màu khác trên đất của anh T, chị L, hiện gia đình anh M, chị L đã lấn chiếm sử dụng đất của gia đình anh T diện tích khoảng 80 m^2. Nay anh T, chị L yêu cầu gia đình anh M thu dọn toàn bộ cây cối hoa màu trên đất và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm, không được đắp

bờ ao chung với đất của anh T, chị L. Đề nghị anh M và chị L không được tự ý sử dụng diện tích đất của anh T, chị L.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11-11-2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đồng bị đơn anh Hoàng Văn M và chị Hoàng Thị L cùng trình bày: Gia đình anh M, chị L được bố mẹ để lại cho một thửa đất ở tại Thôn T (nay là Thôn L), xã Y, huyện L, tỉnh Y. Được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số vào sổ 00857 QSDĐ/131/QĐUBH ngày 04 tháng 6 năm 2001, tờ bản đồ số 5 gồm: 144 m^2 đất ở và 714 m^2 đất vườn tạp. Từ cuối năm 2002 đến năm 2003 ông Hoàng Văn T, bà Đỗ Thị L tranh chấp quyền sử dụng đất với hộ anh M, chị L. Sự việc được Ủy ban nhân dân huyện L, Ủy ban nhân dân xã Y giải quyết xong, hộ anh M đã đóng hàng cọc bằng cây tre, cây hóp làm ranh giới giữa hai gia đình, từ năm 2003 không còn tranh chấp. Nay ông T và bà L cho rằng anh M, chị L lấn chiếm thửa 151 diện tích 18,3 m^2 và một phần diện tích khoảng 80 m^2 của thửa 152 là không đúng. Ông T và bà L yêu cầu phải trả lại phần diện tích lấn chiếm hai thửa đất 151 và 80 m^2 của thửa 152 anh M, chị L không đồng ý vì gia đình anh chị sử dụng ổn định đã được cấp GCNQSDĐ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tại văn bản số 02 ngày 03 tháng 01 năm 2023 đại diện UBND xã Y ông Mông Ngọc L trình bày: Từ khi hộ ông Hoàng Văn M ở Thôn T (nay là Thôn L), xã Y, huyện L, tỉnh Y được cấp GCNQSDĐ ngày 04-6-2001 đến nay UBND huyện L không điều chỉnh gì về sự biến động của thửa đất. Hai thửa đất 151 và thửa 152, tờ bản đồ số 5 tại Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y hộ anh Hoàng Văn T và chị Đỗ Thị L chưa được cấp GCNQSDĐ. Ủy ban nhân dân xã Y đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Yên giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đơn đề nghị ngày 23 tháng 12 năm 2022 của chị Hoàng Thị Thúy N, chị Hoàng Thị T, anh Hoàng Trường M, anh Hoàng Trường A cùng trình bày: Chị T, chị N, anh M, anh A là các con của ông Hoàng Văn T và bà Đỗ Thị L, hiện nay các chị, các anh trưởng thành xây dựng gia đình ở riêng. Việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Hoàng Văn T, bà Đỗ Thị L với ông Hoàng Văn M, bà Hoàng Thị L chị T, chị N, anh M, anh A đều nhất trí theo ý kiến của ông T, bà L và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị T, chị N, anh M, anh A.

Biên bản ghi lời khai ngày 16 tháng 02 năm 2023 anh Lèng Văn Đ trình bày: Trước đây nguồn nước ngầm (mỏ nước) chảy bên dưới bụi hốc của gia đình anh Hoàng Văn M chảy trên thửa đất của ông Hoàng Văn T. Do anh M đào ao nên nguồn nước chảy lên thửa đất vườn của nhà anh M. Năm 2012 anh Đ có cuẩn bi giếng và xây giếng nước trên thửa đất vườn nhà anh M để lấy nước về dùng sinh hoạt gia đình. Năm 2020 gia đình ông Hoàng Văn T có lấy nước ở giếng nước anh Đ xây trên thửa đất anh M. Hiện nay anh Đ không dùng nguồn nước giếng này, anh Đ không yêu cầu lấy lại bi giếng và cũng không yêu cầu tính tiền công xây dựng giếng nước. Vì công việc của anh Đ rất bận đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh Đ theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng:

- Biên bản ghi lời khai ngày 17 tháng 11 năm 2022 ông Nông Đức T trình bày: Ông T làm chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y từ năm 2000- 2005, từ năm 2005- 2010 làm bí thư Đảng ủy xã Y; từ năm 2010- 2017 làm chủ tịch UBND xã Y, từ năm 2017 thì chuyển công tác đến xã L. Năm 2001 hộ anh Hoàng Văn M được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ gồm 144 m^2 đất ở và 714 m^2 đất vườn tạp. Nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ anh M cho. Về nguồn gốc nguồn nước (mỏ nước) của anh Hoàng Văn T trước đây có vị trí nằm ở gần bụi gốc cây hốc (bụi cây hốc nay chỉ còn gốc). Do quá trình sử dụng đất hộ anh M, hộ anh T san gạt lấp ao của hai gia đình nên có sự thay đổi dòng chảy của nguồn nước chảy trên thửa đất của hộ anh M. Ông T đã trực tiếp nhiều lần giải quyết tranh chấp đất và nguồn nước giữa hộ anh T và hộ anh M đến năm 2003 thì giải quyết dứt điểm hai bên không còn tranh chấp. Vì công việc rất bận đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông T.

- Biên bản ghi lời khai ngày 17 tháng 11 năm 2022 anh Hoàng Văn C trình bày: Anh C cư trú và sinh sống tại Thôn T (nay là Thôn L), xã Y, huyện L, tỉnh Y. Năm 2003 tại thửa đất 152 của ông Hoàng Văn T ở Thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Y có xảy ra tranh chấp giữa giữa 02 hộ ông Hoàng Văn T và hộ ông Hoàng Văn M. Sự việc được các cấp chính quyền huyện L và xã Y giải quyết xong, 02 hộ sử dụng ổn định đến nay. hiện trạng không có biến động về cạnh thửa và tác động của hộ gia đình ông Hoàng Văn M. Về nguồn gốc nguồn nước (mỏ nước) trước đây chảy trong ao của gia đình anh C, ao nằm dưới đường đi của thôn, thửa 152 của ông Tiến nằm bên trên đường đi, sau khi đắp đường thôn nguồn nước chảy bên dước bụi hốc của hộ ông Mai. Quá trình sử dụng đất hộ ông Mai đã san gạt ao phần đất của ông Mai nên nguồn nước ngầm thay đổi dòng chảy lên thửa đất của hộ ông M đã được cấp GCNQSDĐ. Còn thửa đất 151 về hiện trạng là không có thật. Theo bản đồ địa chính lập năm 2013, thửa đất 151 nằm trong thửa đất vườn của hộ ông Hoàng Văn M được cấp GCNQSDĐ. Vì công việc rất bận đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh C.

- Biên bản ghi lời khai ngày 17 tháng 11 năm 2022 anh Hoàng Văn Qua trình bày: Anh Q cư trú và sinh sống tại Thôn T (nay Thôn L), xã Y, huyện L, tỉnh Y. Năm 2003 tại thửa đất 152 của ông Hoàng Văn T ở Thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Y có xảy ra tranh chấp giữa 02 hộ ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn M. Sự việc được UBND huyện L và UBND xã Y giải quyết xong. Thửa đất 152 được giao lại cho hộ ông Hoàng Văn T quản lý và sử dụng ổn định không có biến động về cạnh thửa và không tranh chấp. Về nguồn gốc nguồn nước (mỏ nước) của ông Hoàng Văn T trước đây ở bên dước bụi hốc (bụi hốc hiện nay chỉ còn gốc) của ông Hoàng Văn M. Quá trình sử dụng đất hộ ông Mai đã san gạt ao trong thửa đất của gia đình ông M nên nguồn nước ngầm thay đổi dòng chảy lên thửa đất của hộ ông M được cấp GCNQSDĐ. Còn thửa đất 151 về hiện trạng là không có thật. Theo bản đồ địa chính lập năm 2013 thửa đất 151 nằm trong thửa đất vườn của hộ ông M đã được cấp GCNQSDĐ. Vì công việc rất bận đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh Q.

Tòa án nhân dân huyện L nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn anh Hoàng Văn M, chị Hoàng Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị H,

chị Hoàng Thị S nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh M, chị L; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H, chị S được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, chị L về việc buộc anh M, chị L phải trả lại thửa đất 151 diện tích 14,5 m^2 và một phần diện tích 34,4 m^2 của thửa đất 152; anh T, chị L phải chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Y. Đồng nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; đồng bị đơn anh M, chị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H, chị S được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. UBND huyện L, UBND xã Y, chị T, chị N, anh M, anh A, anh Đ đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử theo thủ tục vắng mặt của đồng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Theo lời khai anh T, chị L năm 2003 được UBND huyện L, UBND xã Y giao cho hai thửa đất 151diện tích 18,3 m^2 và thửa 152 diện tích 118,2 m^2, tờ bản đồ số 5 Thôn T (nay là Thôn L) xã Y, huyện L. Đến năm 2019 gia đình anh M đã lấn chiếm toàn bộ thửa 151, diện tích 18,3 m^2 và một phần diện tích 34,4 m^2 thửa 152. Hộ anh M đã san gạt lấp đất trồng cấy trên thửa 151 và một phần thửa 152. Nay anh T, chị L yêu cầu hộ anh M phải trả lại phần đất đã lấn chiếm và phải thu dọn cây trả lại mặt bằng như cũ.

Tại phiên tòa đồng bị đơn anh M, chị L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án anh M và chị L xác định: Hộ

anh M được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số vào sổ 00857 QSDĐ/131/QĐUBH ngày 04 tháng 6 năm 2001, tờ bản đồ số 5 gồm: 144 m^2 đất ở và 714 m^2 đất vườn tạp. Từ cuối năm 2002 đến năm 2003 anh T và chị L có tranh chấp quyền sử dụng đất với hộ anh M, nhưng được UBND huyện L và UBND xã Y giải quyết xong, đã xác định ranh giới, mốc giới. Hộ anh M san gạt lấp ao để làm vườn trong ranh giới, mốc giới được cấp GCNQSDĐ. Quá trình hộ anh M san gạt đất làm vườn giáp ranh với phần đất anh T, chị L không có ý kiến phản đối gì. Anh M, chị L không nhất trí trả lại diện tích đất trên. Về ranh giới, mốc giới thửa đất của hộ anh M, chị L xác định GCNQSDĐ cấp năm 2001 được giữ nguyên đến nay không có sự thay đổi gì.

Theo yêu cầu của anh Hoàng Văn T ngày 03-4-2022 Tòa án nhân dân huyện L đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ở Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y gồm 03 thửa đất:

1. Thửa đất số 152 tại khu vực nguồn nước do anh Hoàng Văn T và chị Đỗ Thị L xác định (gồm thửa số 3 và thửa số 4), diện tích 102,3 m^2 (thửa số 3 diện tích 67,9 m^2 và thửa số 4 diện tích 34,4 m^2), vị trí: Từ điểm A1 đến A2 giáp đường đất do UBND xã Y quản lý; từ điểm A2 đến A3 giáp đất anh Hoàng Văn M, Hoàng Thị L; từ điểm A5 đến A6 giáp với thửa số 151 (thửa số 5); từ điểm A6 đến A7, A8 giáp đất Hoàng Văn M, Hoàng Thị L; từ điểm A8 đến A9, A10, A11 giáp với đất năng lượng (cột điện); từ điểm A11 đến A1 giáp đất Hoàng Văn M, Hoàng Thị L.

2. Thửa đất 151 (thửa số 5) do anh Hoàng Văn T, chị Đỗ Thị L xác định, diện tích 14,5 m^2, vị trí: Từ điểm A3, A4, A5, A6 giáp đất của Hoàng Văn M, Hoàng Thị L; từ A6 đến A3 giáp thửa 152 (thửa số 3 và thửa số 4)

Thửa 151 (thửa 5), thửa 152 (thửa 3 và thửa 4) có sơ đồ kèm theo.

3. Thửa đất do anh Hoàng Văn M xác định đã có GCNQSDĐ do UBND huyện L cấp ngày 04-6-2001 gồm các thửa 02, thửa 4, thửa 5, thửa 6, diện tích 712,0 m^2 (diện tích không bao gồm thửa số 2 đất hành lang đường) vị trí: Từ B1, B2, B3 và B10 (thửa đất số 2) đã làm đường giao thông do UBND xã Y quản lý; từ điểm B3, B4, B5, B6, B7, B8, A7, A8 giáp đất của anh Hoàng Văn M, Hoàng Thị L; từ điểm A8, A9 giáp đất năng lượng (cột điện); từ điểm A9, B9, B11, B10 giáp thửa đất số 152; có sơ đồ chi tiết kèm theo.

4. Trên thửa đất số 152 (thửa số 3) vị trí mỏ nước đầu tiên do Hoàng Văn M và Hoàng Thị L chỉ gần bụi gốc cây hốc. Tại thửa đất số 151 (thửa số 5) do Hoàng Văn T và Hoàng Văn M cùng thống nhất có một giếng nước (mỏ nước).

5. Thửa đất hộ anh Hoàng Văn M được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ ngày 04-6-2001 gồm các thửa 4, thửa 5, thửa 6, diện tích 712,0 m^2, anh M và chị L thống nhất không yêu cầu xem xét tài sản trên thửa đất này.

Các tài liệu do UBND xã Y, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L cung cấp đối với thửa đất 154, 155, 156 gồm biên bản mốc giới, ranh giới, sơ đồ thửa đất, sổ địa chính, sổ mục kê năm 2013 đều mang tên Hoàng Văn M.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03-4-2022 lồng ghép bản đồ năm 2013 theo anh T xác định vị trí, ranh giới thửa số 5 chính là thửa 151 đang tranh chấp diện tích 14,5 m^2 nằm trong thửa đất của hộ anh M được cấp GCNQSDĐ năm 2001, còn thửa số 3 và thửa số 4 chính là thửa 152 diện tích 102,3 m^2, trong đó có 34,4 m^2 (thửa số 4) nằm trong thửa đất vườn của hộ anh M được cấp GCNQSDĐ năm 2001.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03-4-2022 đối với thửa đất của hộ anh M xác định vị trí, ranh giới, diện tích 720 m^2, còn diện tích được cấp GCNQSDĐ ngày 04-6-2001 là 858 m^2

Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ việc"*.

Anh T, chị L xác định năm 2003 thửa đất 151 và thửa 152 được UBND huyện L và UBND xã Y giao cho quản lý. Anh T cho rằng năm 2019 hộ anh M san gạt đất lấp lên thửa đất 151 và một phần thửa 152 nhưng anh T, chị L không có ý kiến phản đối gì. Quá trình giải quyết vụ án anh T cung cấp cho Tòa án gồm: 01 thông báo số 20/TB-UB ngày 10 tháng 6 năm 2003 kết luận của ông Phạm Văn L phó chủ tịch UBND huyện L tại Hội nghị giải quyết tranh chấp đất đai ở xã Y ngày 29-5-2003; 01 Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 về việc cưỡng chế thi hành kết luận của Ủy ban nhân dân huyện L về việc tranh chấp đất đai với đương sự Hoàng Văn M. Xét thấy: Các văn bản tài liệu này không có nội dung nào xác nhận UBND huyện L giao thửa 151 và thửa 152 cho anh T vị trí ở đâu, diện tích là bao nhiêu, cũng không xác nhận hộ anh M lấn chiếm thửa đất 151 và thửa 152 của anh T. Ngoài ra anh T cung cấp bản phô tô không có công chứng, chứng thực 01 sơ đồ thửa đất và 01 báo cáo của UBND xã Y ngày 06-7-2023 không rõ ràng nên không có giá trị chứng minh. Anh T và chị L cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh các thửa đất này bị hộ anh M lấn chiếm.

Tại biên bản xác minh ngày 01 tháng 12 năm 2022 tại UBND xã Y về thửa đất 151 và thửa 152 tờ bản đồ số 5 tại Thôn T (nay là Thôn L), xã Y xác nhận:

- Qua rà soát hồ sơ lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Y năm 2013 đơn vị đo đạc tiến hành đo đạc tổng thể của các hộ dân sử dụng đất tại xã Y, huyện L, tỉnh Y. Trên tờ bản đồ địa chính số 5 Thôn T có thửa đất 151 và thửa 152 mang tên Hoàng Văn T. Đối với thửa đất 151 và thửa 152, tờ bản đồ số 5, Thôn T (nay là Thôn L) quy chủ sử dụng đất là ông T chưa được cấp GCNQSDĐ.

- Qua kiểm tra đối chiếu GCNQSDĐ của hộ ông Hoàng Văn M và theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính năm 2013, thửa đất số 151 được quy chủ là ông Hoàng Văn T nằm trong thửa đất của hộ ông Hoàng Văn M theo GCNQSDĐ số 00857 QSDĐ/131/QĐUBH ngày 04-6-2001 của UBND huyện L.

- Qua kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại UBND xã Y đối với thửa 151 và thửa 152 của ông Hoàng Văn T chỉ có kết quả đo đạc địa chính năm 2013, không có biên bản mô tả xác đỉnh ranh giới, mốc giới thửa 151 và thửa 152.

Tại phiên tòa anh T và chị L thừa nhận kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03-4-2022 đối với thửa đất 151 (thửa số 5) diện tích 14,5 m^2 nằm khác vị trí thửa đất 151 diện tích 18,3 m^2 tờ bản đồ địa chính số 5, Thôn T được lập năm 2013. Cũng tại phiên tòa anh T yêu cầu hộ anh M phải trả lại thửa đất 151 diện tích 18,3 m^2 và thửa 152 diện tích 118,2 m^2 theo kết quả đo đạc địa chính năm 2013. Xét thấy: Yêu cầu này không được chấp nhận vì vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu do vị trí thửa đất này anh T yêu cầu khác vị trí thửa đất anh T đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03-4-2022.

Ủy ban nhân dân xã Y, anh T và chị L cùng xác định thửa đất 151 và thửa 152, tờ bản đồ số 5 tại ThônLàng Thọc, xã Y, huyện L, tỉnh Y mang tên Hoàng Văn T chưa được cấp GCNQSDĐ.

Qua ý kiến một số hộ dân sống lâu năm gần thửa đất và tham gia giải quyết tranh chấp giữa hộ anh T, chị L, anh M và chị L ông Nông Đức T, anh Hoàng Văn C, anh Hoàng Văn Qua xác nhận: Năm 2003 tại thửa đất 152 của ông Hoàng Văn T ở Thôn T (nay Thôn L), xã Y, huyện L, tỉnh Y có xảy ra tranh chấp giữa giữa 02 hộ anh T và anh M. Sự việc đã được UBND huyện L và UBND xã Y giải quyết xong. Thửa đất 152 được giao lại cho hộ anh T quản lý, sử dụng ổn định không có biến động về cạnh thửa, không tranh chấp. Về nguồn gốc nguồn nước (mỏ nước) của hộ anh T trước đây ở bên dước bụi Hốc của anh M. Quá trình sử dụng đất hộ ông Mai san gạt lấp ao phần đất của gia đình anh M nên nguồn nước ngầm thay đổi dòng chảy lên phần đất của hộ anh M đã được cấp GCNQSDĐ. Còn thửa đất 151 về hiện trạng là không có thật. Theo bản đồ địa chính lập năm 2013 thửa đất 151 này nằm trong thửa đất vườn của hộ anh M đã được cấp GCNQSDĐ.

Từ nhận định phân tích trên xét thấy: Anh T, chị L cho rằng thửa đất 151 (thửa số 5) diện tích 14,5 m^2 nằm trong thửa đất vườn của hộ anh M được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ là của anh T, chị L do hộ anh M lấn chiếm và hộ anh M lấn chiếm một phần diện tích 34,4 m^2 thửa 152 của anh T, chị L là không có căn cứ vì: Hộ anh M, chị L được cấp đất và GCNQSDĐ ngày 04-6-2001 đúng theo quy định của pháp luật, thửa đất có vị trí, diện tích, ranh giới, mối giới rõ ràng. Năm 2003 UBND huyện L, UBND xã Y giải quyết tranh chấp xong hộ anh M, chị L sử dụng ổn định đến nay. Năm 2013 khi cơ quan đo đạc thửa đất của hộ anh M được các hộ giáp ranh và UBND xã Y ký xác nhận, quá trình hộ anh M sử dụng đúng phần đất được cấp. Từ khi được cấp GCNQSDĐ ngày 04-6-2001 đến nay hộ anh M sử dụng ổn định UBND huyện L không có quyết định điều chỉnh gì về sự biến động thửa đất của hộ anh M. Những người làm chứng ông T, anh C, anh Q cũng xác nhận việc gia đình anh M sử dụng đất ổn định đã được cấp GCNQSDĐ. Mặt khác thửa đất 151 và thửa 152 của anh T, chị L chỉ có kết quả đo đạc địa chính năm 2013, không có biên bản mô tả xác đỉnh ranh giới, mốc giới, hộ liền kề ký giáp ranh và cũng chưa được cấp GCNQSDĐ. Do đó anh T, chị L khởi kiện anh M, chị L lấn chiếm thửa đất

151diện tích 14,5 m^2 và một phần diện tích 34,4 m^2 thửa 152 của anh T, chị L buộc anh M, chị L phải trả lại diện tích này là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án đồng nguyên đơn anh T, chị L và đồng bị đơn anh M, chị L nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, không tranh chấp tài sản trên thửa đất đang tranh chấp. Các đương sự cũng không yêu cầu định giá đất và tài sản trên đất đối với thửa đất tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề bồi thường, thanh toán.

Đối với chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị S là con đẻ của anh Hoàng Văn M và chị Hoàng Thị L được Tòa án nhân dân huyện L triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không lý do. Chị H và chị S cũng không có ý kiến gì, nên Tòa án nhân dân dân huyện Lục Yên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Lục Yên có văn bản số 125 ngày 29 tháng 12 năm 2022 yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và có ý kiến bằng văn bản về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất trong vụ án này. Ông Nguyễn Ngọc S trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện L đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L không có ý kiến gì, nên Tòa án nhân dân dân huyện L tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Hoàng Văn Đ có làm bi giếng và xây dựng giếng nước (nguồn nước) trên thửa đất vườn của anh Hoàng Văn M. Nay anh Đ không yêu cầu lấy lại bi giếng và công làm giếng. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản là bi giếng và công làm giếng đối với anh Đ trong vụ án này, đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[4] *Về án phí*: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất không có giá ngạch. Yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên anh T và chị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự 300.000 đồng.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ : Đã chi phí hết 9.779.000 đồng Anh Hoàng Văn T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 9.779.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn không được tòa án chấp nhận nên anh T và chị L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố

tụng dân sự; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn anh Hoàng Văn T, chị Đỗ Thị L buộc anh Hoàng Văn M, chị Hoàng Thị L phải trả lại thửa số 151 (thửa số 5) đất vườn, diện tích 14.5 m^2 và một phần diện tích 34,4 m^2 (thửa số 4) của thửa số 152 đất vườn tại Thôn T (nay là Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y (có sơ đồ kèm theo).

2- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Buộc anh Hoàng Văn T, chị Đỗ Thị L phải chịu 9.779.000 đồng (chín triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng) chị phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận anh T, chị L đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3- Về án phí: Anh Hoàng Văn T, chị Đỗ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0002059 ngày 25-10-2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo:

- Anh Hoàng Văn T, chị Đỗ Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Hoàng Văn M, chị Hoàng Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

- Ủy ban nhân dân huyện L, Ủy ban nhân dân xã Y, chị Hoàng Thị T, chị Hoàng Thị Nhiệm, anh Hoàng Trường M, anh Hoàng Trường A, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị S, anh Lèng Văn Đ có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Y;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- Các đương sự (11);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh